TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
Số: **432**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 09 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 444/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. **Anh Phạm Văn T**, sinh năm 1976

Đăng ký hộ khẩu thường trú: *A/1**/**B K, phường T, quận H, H.

Hiện ở tại: Số nhà *, ngõ **/** phố T, phường Đ, quận H, H.

2. **Chị Đỗ Thị N**, sinh năm 1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú: P***, B* khu TT K, phường K, quận Đ, H.

Hiện ở tại: Số nhà *, ngõ **/** phố T, phường Đ, quận H, H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố H ngày 0*/*/20** (Giấy chứng nhận kết hôn số ** quyển số *). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên anh T, chị N cùng đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Đỗ Hà A, sinh 2*/0*/20** và Phạm Đỗ Hà C, sinh 0*/1*/20**. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh chị không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Phạm Đỗ Hà A và Phạm Đỗ Hà C.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị N.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là Phạm Đỗ Hà A, sinh 2*/0*/20** và Phạm Đỗ Hà C, sinh 0*/1*/20**. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Phạm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nhà ở*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- *Về công nợ chung:* Anh chị không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 00240** ngày 2*/*/20** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VSKND quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Đ, quận B, thành phố H;
- THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hiển V